

Số: 39/2025/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 09 tháng 12 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**  
**Quy định chính sách về đất đai**  
**đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Xét Tờ trình số 142/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai cho đồng bào dân tộc thiểu số, cá nhân là người dân tộc thiểu số sinh sống

trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; tổ chức được giao trách nhiệm quản lý quỹ đất tại địa phương.

2. Cá nhân là người dân tộc thiểu số đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.
3. Đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.
4. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### **Điều 3. Đất để thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai**

1. Đất để thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này được bố trí từ:

- a) Quỹ đất theo quy định khoản 4 Điều 16 Luật Đất đai.
- b) Quỹ đất nông nghiệp sau khi rà soát, thu hồi diện tích đất không sử dụng, sử dụng không đúng mục đích, giao khoán, cho thuê, cho mượn trái pháp luật, bị lấn, bị chiếm để giao, cho thuê đối với tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Luật Đất đai.
- c) Quỹ đất do các công ty nông, lâm nghiệp quản lý, sử dụng sau khi rà soát, thu hồi phần diện tích đất giữ lại của các công ty nông, lâm nghiệp theo phương án sử dụng đất đã được phê duyệt nhưng không trực tiếp sử dụng mà cho thuê, cho mượn, giao khoán hoặc khoán trắng cho người khác sử dụng trái pháp luật theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 181 Luật Đất đai.
- d) Diện tích đất đã được Nhà nước thu hồi và bồi thường tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp cá nhân là người dân tộc thiểu số được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Đất đai chuyển khỏi địa bàn cấp tỉnh nơi có đất đến nơi khác sinh sống hoặc không có nhu cầu sử dụng mà không tặng cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người thuộc hàng thừa kế là đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Đất đai.
- đ) Diện tích đất đã được Nhà nước thu hồi và bồi thường tài sản gắn liền với đất cho người thừa kế theo quy định của pháp luật đối với trường hợp cá nhân là người dân tộc thiểu số được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Đất đai nhưng người sử dụng đất chết mà không có người thừa kế thuộc hàng thừa kế là đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Đất đai.

2. Để bảo đảm quỹ đất thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số, trong nội dung quy hoạch sử dụng đất cấp xã, kế hoạch sử dụng đất cấp xã phải xác định chỉ tiêu các loại đất đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 19 và khoản 4 Điều 20 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai.

#### **Điều 4. Nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ về đất đai**

1. Hỗ trợ trực tiếp đến cá nhân là người dân tộc thiểu số.
2. Cá nhân là người dân tộc thiểu số được miễn, giảm tiền sử dụng đất phải có nơi thường trú tại địa phương nơi có đất được giao đất, công nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất.
3. Việc xác định cá nhân là người dân tộc thiểu số; cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo thực hiện theo quy định hoặc quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.
4. Đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng; các cá nhân được hỗ trợ phải sử dụng đúng mục đích.

#### **Điều 5. Chính sách bảo đảm đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số**

Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào quỹ đất hiện có của địa phương; quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 hoặc quy hoạch được lập theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 trên địa bàn hoặc chỉ tiêu sử dụng đất trong phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai của quy hoạch tỉnh được phân bổ đến đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp xã, kế hoạch sử dụng đất cấp xã (nếu có) đã được phê duyệt từ sau ngày 01 tháng 7 năm 2025 để thực hiện rà soát, đề xuất bố trí các điểm đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số. Vị trí điểm đất sinh hoạt cộng đồng đề xuất phải phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số.

#### **Điều 6. Chính sách về đất đai để đảm bảo ổn định đời sống đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số**

1. Giao đất ở không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 124 Luật Đất đai đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số thường trú tại xã, phường mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở. Diện tích giao đất trong hạn mức giao đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Trình tự, thủ tục giao đất được thực hiện theo quy định tại Mục I Phần III Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.

2. Việc miễn, giảm tiền sử dụng đất được thực hiện theo quy định tại Điều 18, Điều 19 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định

số 291/2025/NĐ-CP.

**Điều 7. Chính sách hỗ trợ về đất đai đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo**

1. Hỗ trợ đất đai lần đầu đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống trên địa bàn tỉnh để bảo đảm ổn định cuộc sống được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Đất đai.

2. Hỗ trợ đất đai để bảo đảm ổn định cuộc sống cho cá nhân là người dân tộc thiểu số đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất lần đầu theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng nay không còn đất (đất ở, đất nông nghiệp) hoặc thiếu đất (đất ở, đất nông nghiệp) so với hạn mức giao đất mà thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Đất đai và khoản 1 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP;

3. Cá nhân là người dân tộc thiểu số đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều này không được chuyển nhượng, góp vốn, tặng cho, thừa kế, thế chấp quyền sử dụng đất, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 48 Luật Đất đai.

**Điều 8. Kinh phí thực hiện chính sách về đất đai**

Nguồn kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thu hồi đất thực hiện dự án bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số; kinh phí đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và các chi phí khác để thực hiện chính sách được bố trí từ ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 9. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

**Điều 10. Quy định chuyển tiếp**

Trường hợp cá nhân là người dân tộc thiểu số đủ điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và điều kiện quy định tại Nghị quyết này nhưng chưa được giao đất, cho thuê đất thì Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp tục thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị quyết này.

## **Điều 11. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025./.*

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 11;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Ninh Bình;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT. 

**CHỦ TỊCH**



**Lê Quốc Chính**